

Inspiron 14

3000 Series

Quick Start Guide

Panduan Pengaktifan Cepat
Guía de inicio rápido
Hướng dẫn khởi động nhanh
دليل البدء السريع



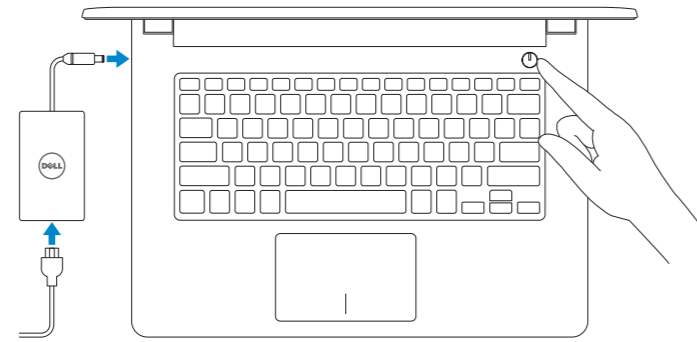
1 Connect the power adapter and press the power button

Hubungkan adaptor daya dan tekan tombol daya

Conecte el adaptador de energía y presione el botón de encendido

Kết nối với bộ chuyển đổi nguồn điện và nhấn nút nguồn

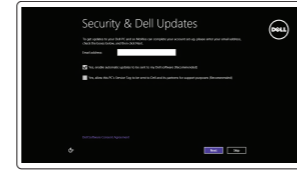
توصيل مهايئ التيار والضغط على زر التشغيل



2 Finish Windows setup

Tuntaskan penataan Windows | Finalice la configuración de Windows

Hoàn tất cài đặt Windows | Windows إنهاء إعداد



Enable security and updates

Aktifkan keamanan dan pembaruan

Activar seguridad y actualizaciones

Bật tính năng bảo mật và cập nhật

قم بتمكين الأمان والتحديثات



Connect to your network

Sambungkan ke jaringan Anda

Conectar a su red

Kết nối vào mạng của bạn

الاتصال بالشبكة

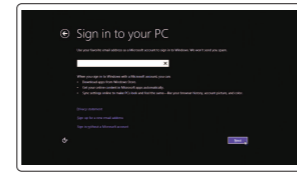
NOTE: If you are connecting to a secured wireless network, enter the password for the wireless network access when prompted.

CATAN: Jika Anda menghubungkan ke jaringan nirkabel aman, masukkan kata sandi untuk akses jaringan nirkabel tersebut saat diminta.

NOTA: Si se está conectando a una red inalámbrica segura, introduzca la contraseña para el acceso a la red inalámbrica cuando se le solicite.

GHI CHÚ: Nếu bạn đang kết nối với một mạng không dây bảo mật, hãy nhập mật khẩu để truy cập mạng không dây khi được nhắc.

ملاحظة: عند الاتصال بشبكة لاسلكية آمنة، أدخل كلمة المرور للدخول للشبكة اللاسلكية عندما يطلب ذلك.



Sign in to your Microsoft account or create a local account

Masuk ke akun Microsoft Anda atau buat akun lokal

Iniciar sesión en su cuenta de Microsoft o crear una cuenta local

Đăng nhập vào tài khoản Microsoft của bạn và tạo tài khoản trên máy tính

قمب تسجيل الدخول إلى حساب Microsoft أو قم بإنشاء حساب محلي

Locate your Dell apps

Cari lokasi aplikasi Dell Anda

Localice sus aplicaciones Dell

Xác định vị trí các ứng dụng Dell của bạn

تحديد مكان تطبيقات جهاز Dell الخاص بك



Register your computer

Daftarkan komputer Anda | Registrar su equipo

Đăng ký máy tính của bạn | قم بتسجيل الكمبيوتر



Dell Backup and Recovery

Pencadangan dan Pemulihan Dell | Respaldo y Recuperación de Dell

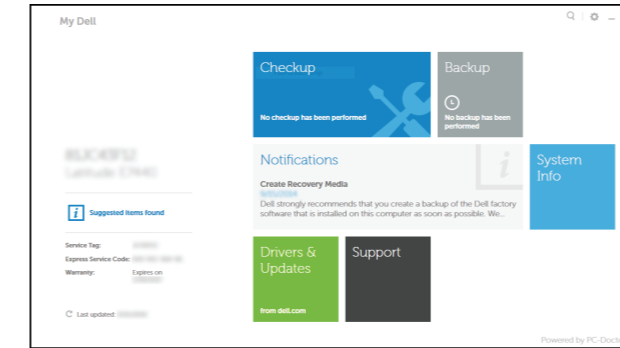
Sao lưu và Phục hồi Dell | Dell Backup and Recovery



My Dell

Dell Saya | Mi Dell

Dell của tôi | جهاز Dell الخاص بي



Learn how to use Windows

Pelajari cara menggunakan Windows | Cómo usar Windows

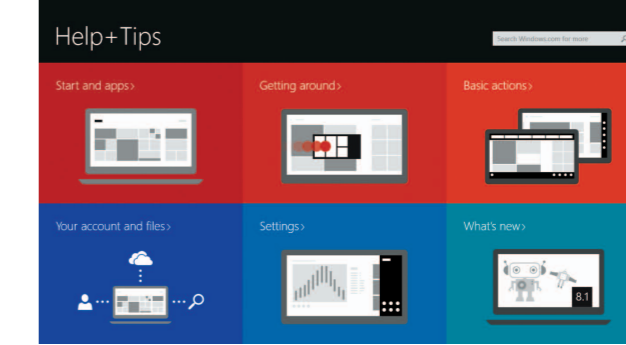
Tìm hiểu cách sử dụng Windows | Windows تعرف على كيفية استخدام



Help and Tips

Bantuan dan Tips | Ayuda y consejos

Trợ giúp và Mẹo | تعليمات وتلميحات



Product support and manuals

Manual dan dukungan produk

Manuales y soporte técnico de productos

Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn

دعم المنتج والدلائل الخاصة به

dell.com/support

dell.com/support/manuals

dell.com/windows8

Contact Dell

Hubungi Dell | Póngase en contacto con Dell

Liên hệ Dell | Dell الاتصال بـ

dell.com/contactdell

Regulatory and safety

Regulasi dan keselamatan | Normativa y seguridad

Quy định và an toàn | ممارسات الأمان والممارسات التنظيمية

dell.com/regulatory_compliance

Regulatory model

Model Regulatori | Modelo normativo

Model quy định | النموذج التنظيمي

P60G

Regulatory type

Jenis regulatori | Tipo normativo

Loại quy định | النوع التنظيمي

P60G001

P60G002

Computer model

Model komputer | Modelo de equipo

Model máy tính | نموذج الكمبيوتر

Inspiron 14-3451

Inspiron 14-3458

© 2014 Dell Inc.

© 2014 Microsoft Corporation.



OC9JHFA00

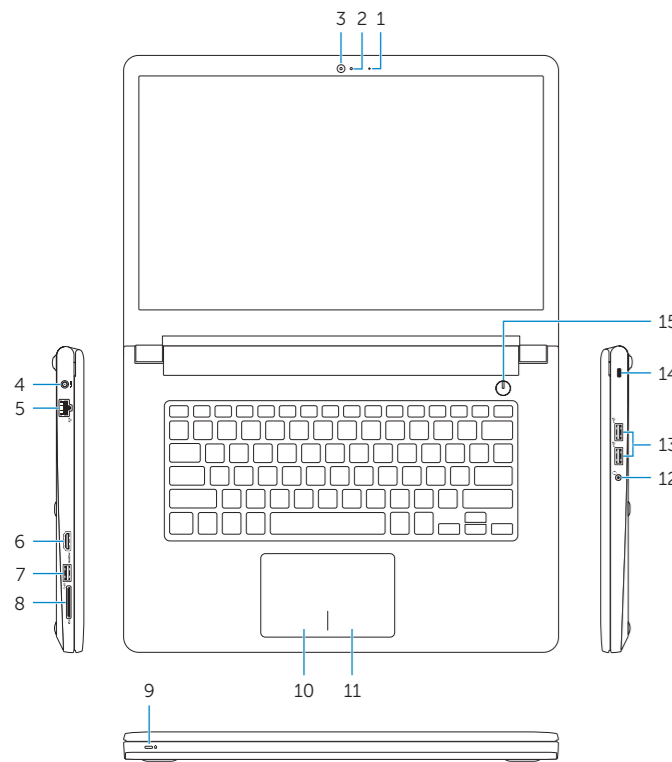


Printed in China.

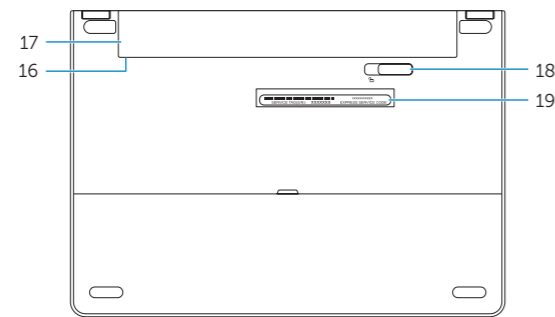
2014-11

Features

Fitur | Funciones | Tính năng | الميزات



- 1. Microphone
- 2. Camera-status light
- 3. Camera
- 4. Power-adapter port
- 5. Network port (Inspiron 3458 only)
- 6. HDMI port
- 7. USB 3.0 port
- 8. Media-card reader
- 9. Power and battery-status light/hard-drive activity light
- 10. Left-click area
- 11. Right-click area
- 12. Headset port
- 13. USB 2.0 ports (2)
- 14. Security-cable slot
- 15. Power button
- 16. Regulatory label (in battery bay)
- 17. Battery
- 18. Battery-release latch
- 19. Service Tag label



- 1. Mikrofon
- 2. Lampu status kamera
- 3. Kamera
- 4. Port adaptor daya
- 5. Port jaringan (Inspiron 3458 saja)
- 6. Port HDMI
- 7. Port USB 3.0
- 8. Pembaca kartu media
- 9. Lampu status daya dan baterai/lampu aktivitas hard disk
- 10. Area klik kiri
- 11. Area klik kanan
- 12. Port headset
- 13. Port USB 2.0 (2)
- 14. Slot kabel pengaman
- 15. Tombol daya
- 16. Label regulatori (dalam bay baterai)
- 17. Baterai
- 18. Kait pelepas baterai
- 19. Label Tag Servis

- 1. Micrófono
- 2. Indicador luminoso de estado de la cámara
- 3. Cámara
- 4. Puerto de adaptador de alimentación
- 5. Puerto de red (solo Inspiron 3458)
- 6. Puerto HDMI
- 7. Puerto USB 3.0
- 8. Lector de tarjetas multimedia
- 9. Indicador luminoso de estado de la batería y de alimentación/Indicador luminoso de actividad de la unidad del disco duro
- 10. Área de clic izquierdo
- 11. Área de clic derecho
- 12. Puerto de audífonos
- 13. Puertos USB 2.0 (2)
- 14. Ranura del cable de seguridad
- 15. Botón de encendido
- 16. Etiqueta normativa (en el compartimento de la batería)
- 17. Batería
- 18. Pasador de liberación de la batería
- 19. Etiqueta de servicio

- 1. Micrô
- 2. Đèn trạng thái camera
- 3. Camera
- 4. Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện
- 5. Cổng mạng (chỉ có ở Inspiron 3458)
- 6. Cổng HDMI
- 7. Cổng USB 3.0
- 8. Khe đọc thẻ nhớ
- 9. Đèn tình trạng nguồn và pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng
- 10. Vùng nhấp trái
- 11. Vùng nhấp phải
- 12. Cổng tai nghe
- 13. Cổng USB 2.0 (2)
- 14. Khe cáp bảo vệ
- 15. Nút nguồn
- 16. Nhãn quy định (trong khay pin)
- 17. Pin
- 18. Chốt nhả pin
- 19. Nhãn Thẻ bảo trì

- 1. الميكروفون
- 2. مصباح حالة الكاميرا
- 3. الكاميرا
- 4. منفذ مهابى التيار
- 5. منفذ الشبكة (فقط Inspiron 3458)
- 6. منفذ HDMI
- 7. منفذ USB 3.0
- 8. قارئ بطاقات الوسائط
- 9. ضوء حالة البطارية والطاقة/ضوء نشاط محرك الأقراص الثابتة
- 10. منطقة النقر الأيسر
- 11. منطقة النقر الأيمن
- 12. منفذ سماعة الرأس
- 13. منافذ USB 2.0 (2)
- 14. فتحة كبل الأمان
- 15. زر التيار
- 16. المصنق التنظيمي (في حيز البطارية)
- 17. قفل تحرير البطارية
- 18. ملصق رمز الخدمة

Shortcut keys

Tombol pintasan | Teclas de acceso directo

Phím tắt | مفاتيح الاختصار

- F1** Mute audio
Mematikan audio | Silenciar el audio
Tắt âm | كتم الصوت
- F2** Decrease volume
Menurunkan volume | Bajar el volumen
Giảm âm lượng | خفض مستوى الصوت
- F3** Increase volume
Meningkatkan volume | Subir el volumen
Tăng âm lượng | رفع مستوى الصوت
- F4** Play previous track/chapter
Memutar trek/bab sebelumnya | Reproducir pista o capítulo anterior
Phát bản nhạc/chương trước đó | تشغيل المسار/الفصل السابق
- F5** Play/Pause
Memutar/Menjeda | Reproducir/Pausar
Phát/Tạm dừng | تشغيل/إيقاف مؤقت
- F6** Play next track/chapter
Memutar trek/bab selanjutnya | Reproducir pista o capítulo siguiente
Phát bản nhạc/chương kế tiếp | تشغيل المسار/الفصل التالي
- F8** Switch to external display
Mengalihkan ke display eksternal | Cambiar a la pantalla externa
«Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài | التبديل إلى الشاشة الخارجية
- F9** Open Search charm
Membuka tombol Pencarian | Abrir acceso buscar
Mở nút Tìm kiếm | افتح اختصار البحث
- F11** Decrease brightness
Menurunkan kecerahan | Disminuir brillo
Giảm độ sáng | تخفيض مستوى السطوع
- F12** Increase brightness
Meningkatkan kecerahan | Aumentar brillo
Tăng độ sáng | رفع مستوى السطوع

- Fn + Esc** Toggle Fn-key lock
Mengalihkan kunci tombol Fn | Alternar bloqueo de la tecla Fn
Bật tắt khóa phím Fn | تبديل قفل مفتاح Fn
 - Fn + PrtScr** Turn off/on wireless
Mengaktifkan/menonaktifkan nirkabel
Activar/desactivar la función inalámbrica
Tắt/mở mạng không dây
تشغيل/إيقاف تشغيل الاتصال اللاسلكي
 - Fn + Insert** Sleep
Tidur | Suspensión
Chế độ ngủ | السكون
 - Fn + H** Toggle between power and battery-status light/hard-drive activity light
Mengalihkan antara lampu status baterai dan daya/lampu aktivitas hard disk
Alternar entre el indicador luminoso de estado de la batería y de alimentación/indicador luminode actividad del disco duro
Bật tắt giữa đèn nguồn và đèn tình trạng pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng
التبديل بين مصباح التشغيل وحالة البطارية/مصباح نشاط محرك الأقراص الثابتة
- 📌 **NOTE:** For more information, see [Specifications at dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- 📌 **CATATAN:** Untuk informasi selengkapnya, lihat [Spesifikasi di dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- 📌 **NOTA:** Para más información, consultar [Especificaciones en dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- 📌 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy xem [Thông số kỹ thuật tại dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- 📌 **ملاحظة:** لمزيد من المعلومات، انظر [المواصفات على العنوان dell.com/support](https://www.dell.com/support).